

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/TCDS-ST
Ngày 06-8-2020
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU - TỈNH SƠN LA.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tường Duy Bình.
2. Bà Lê Thị Chanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Nga - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Mùi Thị Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2020/TLST – DS ngày 25 tháng 02 năm 2020 về vụ án: Tranh chấp quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXX-ST ngày 22 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Ông Phạm Đình Đ, sinh năm 1954. Địa chỉ: Tiểu khu 1, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1951. Địa chỉ: Tiểu khu 1, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn:

- Bà Lâm Thị T, sinh năm 1931. Địa chỉ: Tiểu khu 34, xã Đ, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Sơn La, người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn G, chức vụ Chủ tịch UBND xã Đ, huyện M. Vắng mặt.

- Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1964. Địa chỉ: Bản B, xã Đ, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bà Hoàng Thị K, sinh năm 1967. Địa chỉ: Bản B, xã Đ, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Ông Lê Đình S. Địa chỉ: Tiểu khu 34, xã Đ, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

4. Người làm chứng.

- Bà Nguyễn Thị L. Địa chỉ: Tiểu khu 1, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị H. Địa chỉ: Tiểu khu 34, xã Đ, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bà Trần Thị T. Địa chỉ: Tiểu khu 34, xã Đ, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Bà Lê Thị N. Địa chỉ: Tiểu khu 34, xã Đ, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Ông Vi Văn Đ. Địa chỉ: Bản B, xã Đ, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Bà Hoàng Thị N. Địa chỉ: Bản B, xã Đ, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Ông Hoàng Văn Á. Địa chỉ: Bản B, xã Đ, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Ông Hà Việt D. Địa chỉ: Tiểu khu 2, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Đình S. Địa chỉ: Tiểu khu 34, xã Đ, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị M. Địa chỉ: Tiểu khu 34, xã Đ, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Bà Lê Thị T. Địa chỉ: Tiểu khu 34, xã Đ, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Hồng Q. Địa chỉ: Tiểu khu 34, xã Đ, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị T. Địa chỉ: Bản T, xã Đ, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 01 năm 2020 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, nguyên đơn ông Phạm Đình Đ và bà Nguyễn Thị H trình bày:

Ngày 10 tháng 3 năm 2010 ông bà có nhận chuyển nhượng một mảnh đất tại bản T, xã Đ, huyện M, tỉnh Sơn La của gia đình ông Hoàng Văn Đ, trú tại bản B, xã Đ, huyện M, tỉnh Sơn La. Mảnh đất cụ thể như sau:

Địa chỉ thửa đất: Bản T, xã Đ, huyện M, tỉnh Sơn La.

Diện tích: 224,2m² (đất trồng cây hàng năm khác); thuộc thửa đất số 33a, tờ bản đồ số 27 (theo sơ đồ trích đo năm 2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện M).

Nguồn gốc sử dụng đất: Đất do gia đình ông Hoàng Văn Đ, vợ là Hoàng Thị K khai hoang từ những năm 1990 trở về trước, đã sử dụng ổn định, không có tranh chấp, đến năm 2010 ông Hoàng Văn Đ và bà Hoàng Thị K chuyển nhượng cho gia đình ông bà.

Để quản lý mảnh đất này, gia đình ông đã cho gia đình ông Hoàng Văn Đ tiếp tục canh tác các cây trồng ngắn ngày. Đến tháng 10 năm 2017 gia đình ông bà đã xây dựng tường ngăn với các hộ liền kề nhưng sau đó đã bị ông Lê Đình S (con trai bà Lâm Thị T) phá hỏng. Đến tháng 4 năm 2018 gia đình ông tiếp tục thuê thợ xây lại tường ngăn nhưng sau đó lại bị ông Lê Đình S phá hỏng. Gia đình ông bà đã gặp ông Lê Đình S nói chuyện thì ông S trả lời đây là đất của gia đình ông, gia đình tôi không được xây gì trên đất.

Đầu năm 2019, gia đình ông đã chủ động làm các thủ tục để xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, đến tháng 8/2019, gia đình ông bà đã hoàn thiện thủ tục hồ sơ theo quy định của pháp luật để đề nghị UBND xã Đ xem xét, trình cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho gia đình. UBND xã Đ đã thực hiện xong các bước quy trình để hoàn thiện, ký hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình. Tuy nhiên tháng 10 năm 2019 hộ gia đình bà Lâm Thị T có đơn đề nghị UBND xã Đ xem xét, giải quyết tranh chấp đất đai tại mảnh đất mà gia đình ông đang đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông S là con trai bà Lâm Thị T đã đổ đá vào bãi đất của gia đình ông.

Nay ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết.

Yêu cầu Tòa án xác định gia đình ông, bà là người có quyền sử dụng đất đối với diện tích 224,2m² và yêu cầu ông Lê Đình S phải chuyển 01 đồng đá ra khỏi diện tích 224,2m² để trả lại diện tích đất trên cho gia đình ông, bà quản lý, sử dụng.

Nguyên đơn đưa ra tài liệu chứng cứ gồm: hợp đồng mua bán đất ngày 10/3/2010; những người làm chứng biết nguồn gốc đất.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự bà Lâm Thị T trình bày:

Thửa đất đang có tranh chấp với ông bà Đ, H có diện tích 224,2m² tại hợp tác xã T, xã Đ, huyện M, tỉnh Sơn La có nguồn gốc là do bà khai hoang từ khi mới thành lập Nông Trường 34. Bà canh tác được khoảng 02 năm thì không canh tác nữa, sau đó bà cho con trai bà là ông Lê Đình S sử dụng diện tích đất trên, nhưng do bận công tác nên khoảng 02 năm trở lại đây ông S mới sử dụng, canh tác diện tích đất trên.

Việc bà khai hoang có sự làm chứng của một số người nhưng hiện nay đều đã chết.

Đối với diện tích đất đang tranh chấp 224,2m² bà khẳng định là do bà khai hoang. Tuy nhiên hiện nay bà không có tài liệu chứng cứ chứng minh bà khai hoang, canh tác, sử dụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã Đ, huyện M, người đại diện theo pháp luật ông Phạm Văn G trình bày:

Qua xem xét tài liệu do UBND xã Đ quản lý, thì thửa đất đang có tranh chấp giữa gia đình ông Phạm Đình Đ, bà Nguyễn Thị H với bà Lâm Thị T, có nguồn gốc là của bà Hoàng Thị V và ông Hoàng Văn N khai hoang, sau đó ông bà cho con trai là Hoàng Văn Đ canh tác.

Gia đình ông bà Hoàng Thị V và ông Hoàng Văn N và con trai canh tác ổn định một thời gian dài không có tranh chấp với ai. Đến năm 2010 ông Đ (là con trai bà V và ông N) đã chuyển nhượng cho ông Phạm Đình Đ, bà Nguyễn Thị H. Sau đó ông bà Đ, H đã làm thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. UBND xã Đông Sang đã tiến hành lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà Đ, H, hồ sơ đã tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật thì bà Lâm Thị T đến UBND xã Đ tranh chấp diện tích đất trên với gia đình ông bà Đ, H và cho rằng diện tích đất hiện nay đang có tranh chấp là của bà T. Do đó, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà Đ – H không thể thực hiện được.

Về việc diện tích đất đang có tranh chấp theo sổ mục kê năm 1999 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M quy chủ diện tích đất thuộc thửa số 33, tờ bản đồ số 27 năm 1999 quy chủ HTX T do UBND xã Đ quản lý, UBND xã Đ có ý kiến như sau: Thực tế UBND xã Đ không quản lý diện tích đất trên mà vẫn do hộ gia đình bà Hoàng Thị V và ông Hoàng Văn N quản lý, sử dụng.

Quan điểm của UBND xã Đ nhất trí tạm giao thửa đất đang có tranh chấp giữa ông bà Đ – H với bà Lâm Thị T cho ông bà Đ – H quản lý, sử dụng vì ông bà Đ – H đã nhận chuyển nhượng với ông bà Hoàng Văn Đ – Hoàng Thị K.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn Đ và bà Hoàng Thị K trình bày:

Ông Hoàng Văn Đ và bà Hoàng Thị K không có quan hệ họ hàng gì với ông bà Phạm Đình Đ, Nguyễn Thị H và Lâm Thị T.

Về nguồn gốc mảnh đất đang tranh chấp giữa ông bà Phạm Đình Đ, bà Nguyễn Thị H với bà Lâm Thị T. Là do bố mẹ ông bà, là ông bà Hoàng Văn N và Hoàng Thị V khai phá từ năm 1952. Bố mẹ ông bà canh tác ổn định không có tranh chấp với ai. Bố mẹ ông, bà là ông Hoàng Văn N mất năm 1978, bà Hoàng Thị V mất năm 2017.

Bố mẹ ông, bà canh tác ổn định từ năm 1952 đến đầu những năm 1980 thì cho bà Nguyễn Thị L. Đ/c: Tiểu khu 1, thị trấn M, huyện M canh tác (cho bà L mượn), bà L canh tác được khoảng 01 đến 02 năm thì bà L cho bà Nguyễn Thị H. Đ/c: Tiểu khu 34, xã Đ, huyện M mượn. Bà Nguyễn Thị H canh tác được khoảng 20 năm thì không canh tác nữa, mà cho con dâu của bà là Lương Thị D canh tác, chị D canh tác được khoảng 3 năm (năm 2007) thì trả cho vợ chồng ông, bà.

Từ năm 1988 sau khi vợ chồng ông, bà (ông Đ bà K) lấy nhau, khi đó mẹ ông Đ là bà Hoàng Thị V cho vợ chồng ông, bà thửa đất trên, do chưa có nhu cầu sử dụng, hơn nữa khi đó bà H đang canh tác nên vợ chồng ông, bà cũng nhất

trí để bà H canh tác.

Sau khi bà H và con dâu không canh tác nữa. Năm 2007 thì trả lại cho vợ chồng ông, bà, vợ chồng ông, bà canh tác được khoảng một, hai năm thì bỏ không. Đến năm 2010 do không có nhu cầu sử dụng nên vợ chồng ông, bà đã chuyển nhượng thửa đất trên cho ông Phạm Đình Đ và bà Nguyễn Thị H với giá 10.000.000đ

Từ khi bố mẹ ông, bà canh tác, sau đó cho vợ chồng ông, bà mảnh đất trên ông, bà canh tác ổn định không có tranh chấp với ai.

Sau khi vợ chồng ông, bà chuyển nhượng đất cho ông bà Phạm Đình Đ, Nguyễn Thị H đến năm 2018 bà Lâm Thị T có tranh chấp với ông bà Phạm Đình Đ, Nguyễn Thị H mảnh đất trên. Ông, bà khẳng định mảnh đất đang tranh chấp là của vợ chồng ông, bà chuyển nhượng cho ông Phạm Đình Đ và bà Nguyễn Thị H. Đối với việc ông bà chuyển nhượng mảnh đất trên cho ông bà Phạm Đình Đ và bà Nguyễn Thị H thì ông bà vẫn nhất trí không có ý kiến gì.

Ý kiến của đại diện VKSND huyện Mộc Châu như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Tại phiên tòa bị đơn bà Lâm Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Đình S vắng mặt. Từ khi thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử sơ thẩm, Tòa án đã triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông S, bà T, nhưng ông S, bà T cố tình vắng mặt, không đến làm việc, cũng không giao nộp cho Tòa án bất cứ văn bản, tài liệu gì thể hiện ý kiến của ông, bà đối với việc giải quyết vụ án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Đình S.

+ Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 166, Điều 203 Luật đất đai; Điều 166 Bộ Luật dân sự; khoản 1 Điều 147, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Tạm giao cho ông Phạm Đình Đ, bà Nguyễn Thị H được sử dụng 227,0m² đất thuộc thửa đất số 33a tờ bản đồ số 27 tại bản T, xã Đ, huyện M, tỉnh Sơn La.

Đất có vị trí tiếp giáp cụ thể: Phía Đông Bắc giáp đất trống có chiều dài 10,6m; Phía Đông Nam giáp núi đá có chiều rộng các cạnh là 10,4m, 4,4m, 1,6m; Phía Tây Nam giáp đất bà Thoa có chiều dài 17,2m; Phía Tây Bắc giáp đường bê tông có chiều rộng các cạnh là 6,7m, 4,7m, 3,6m.

3. Buộc ông Lê Đình S phải di dời toàn bộ 01 đồng đá có chiều dài 01m, chiều rộng 01m, chiều cao chóp đồng đá là 02m, có thể tích là 01m³ nằm trên diện tích đất 227,0m² thuộc thửa đất số 33a tờ bản đồ số 27 tại bản T, xã Đ, huyện M, tỉnh Sơn La.

4. Về chi phí tố tụng:

Về chi phí tố tụng: Chấp nhận việc ông Phạm Đình Đ và bà Nguyễn Thị H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí định giá tài sản.

5. Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên do bà Lâm Thị T là thân nhân liệt sĩ do đó cần miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án tranh chấp về quyền sử dụng đất, căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố Tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Bị đơn bà Lâm Thị T sau khi nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã khai trình bày nguyện vọng, bà Lâm Thị T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Đình S sau khi nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông S, nhưng ông S vẫn cố tình vắng mặt, không đến làm việc, cũng không giao nộp cho Tòa án bất cứ văn bản, tài liệu gì thể hiện ý kiến của ông đối với việc giải quyết vụ án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ để xét xử vắng mặt bà Lâm Thị T, ông Lê Đình S.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị K, UBND xã Đ, huyện M, người đại diện theo pháp luật ông Phạm Văn G, có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ để xét xử vắng mặt bà Hoàng Thị K, ông Phạm Văn G.

[2] Về nội dung vụ án: Diện tích đất đang tranh chấp giữa các đương sự thuộc thửa đất số 33a tờ bản đồ số 27 tại bản T, xã Đ, huyện M, tỉnh Sơn La có nguồn gốc như sau.

Nguyên đơn ông Phạm Đình Đ, bà Nguyễn Thị H khai do ông bà nhận chuyển nhượng của ông Hoàng Văn Đ và bà Hoàng Thị K từ năm 2010. Đến năm 2017 thì phát sinh tranh chấp với bà Lâm Thị T và ông Lê Đình S. Bị đơn bà Lâm Thị T khai diện tích đất tranh chấp là do bà hoang từ khi mới thành lập Nông Trường 34. Bà canh tác được khoảng 02 năm thì không canh tác nữa, sau đó bà cho con trai bà là ông Lê Đình S mượn sử dụng diện tích đất trên, nhưng do bận công tác nên khoảng 02 năm trở lại đây ông S mới sử dụng, canh tác. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn Đ và bà Hoàng Thị K khai thửa đất đang tranh chấp là do bố mẹ ông, bà là ông bà Hoàng Văn N và Hoàng Thị V khai phá từ năm 1952 bố mẹ ông bà canh tác ổn định không có tranh chấp với ai. Bố mẹ ông, bà canh tác ổn định từ năm 1952 đến đầu những năm 1980 thì cho bà Nguyễn Thị L. Đ/c: Tiểu khu 1, thị trấn M, huyện M canh tác (cho bà L mượn), bà L canh tác được khoảng 01 đến 02 năm thì bà L cho bà Nguyễn Thị H. Đ/c: Tiểu khu 34, xã Đ, huyện M mượn. Bà Nguyễn Thị H canh tác được khoảng 20 năm thì không canh tác nữa, mà cho con dâu của bà là Lương Thị D canh tác, chị D canh tác được khoảng 3 năm (năm 2007) thì trả cho vợ chồng ông bà. Sau khi bà H và con dâu không canh tác nữa. Năm 2007 thì trả lại cho vợ chồng ông, bà, vợ chồng ông, bà canh tác được khoảng một, hai năm thì bỏ không. Đến năm 2010 do không có nhu cầu sử dụng nên vợ chồng ông, bà đã chuyển nhượng thửa đất trên cho ông Phạm Đình Đ và bà Nguyễn Thị H với giá 10.000.000đ.

[3] Về quá trình sử dụng đất:

Căn cứ vào lời khai của ông Hoàng Văn Đ, bà Hoàng Thị K. Lời khai của ông Hoàng Văn Đ, bà Hoàng Thị K phù hợp với lời khai của những người làm chứng gồm:

Bà Nguyễn Thị L: Khoảng năm 1980 bà được bà Hoàng Thị N (Hoàng Thị V) cho mượn diện tích đất đang có tranh chấp để trồng ngô và đỗ tương, sau đó bà cho bà H mượn diện tích đất trên để canh tác. Khi cho bà H mượn thì bà có nói với bà H "diện tích đất trên là của bà Hoàng Thị N, khi nào bà N đòi lại thì phải trả lại cho bà N". Bà khẳng định trước và sau khi bà canh tác bà chưa bao giờ thấy bà T và ông S canh tác trên diện tích đất trên.

Bà Nguyễn Thị H: Năm 1984 bà trực tiếp canh tác trên diện tích đất có tranh chấp. Diện tích đất này bà mượn của bà Nguyễn Thị L (chồng là T). Bà khẳng định bà L mượn của bà Hoàng Thị N. Bà canh tác thửa đất trên từ năm 1984 đến năm 2004 thì cho con dâu là Lương Thị D trồng ngô. Con dâu bà canh tác được khoảng 03 năm (năm 2007) thì trả lại diện tích đất trên cho ông Hoàng Văn Đ là con trai của bà Hoàng Thị N. Khi ông Đ bán thửa đất trên cho ông Đ bà có được chứng kiến, ban đầu bà không nhất trí vì bà cho rằng mảnh đất trên là của bà, nhưng sau khi kiểm tra lại thì bà biết diện tích đất trên là của bà N nên bà nhất trí cho ông Đ chuyển nhượng cho ông Đ.

Bà Trần Thị T: Gia đình bà có mảnh nương giáp với diện tích đất hiện nay đang có tranh chấp, bà canh tác từ năm 1960 đến năm 1989 bà cho trai và con dâu là Phạm Văn Q, Lê Thị N diện tích đất trên, đến năm 1996 anh Q chị N cho vợ chồng em trai T - L mảnh đất trên. Trong thời gian bà canh tác thì bà thấy bà Hoàng Thị N (mẹ ông Đ) canh tác trồng ngô trên diện tích đất tranh chấp. Bà chưa bao giờ thấy bà T, ông S canh tác trên diện tích đất tranh chấp.

Bà Lê Thị N: Bà về làm dâu nhà bà Trần Thị T từ năm 1989, bà và chồng bà là Phạm Văn Q canh tác trên diện tích giáp với diện tích đất đang có tranh chấp đến năm 1996 thì cho vợ chồng em trai T - L canh tác trên diện tích đất trên. Trong thời gian bà canh tác bà chỉ thấy bà Nguyễn Thị H, trú tại: Tiểu khu 34, xã Đ canh tác trên diện tích đang có tranh chấp. Bà chưa bao giờ thấy bà T, ông S canh tác trên thửa đất có tranh chấp.

Ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị T: Gia đình ông, bà canh tác giáp với thửa đất đang có tranh chấp khoảng 30 năm nay. Từ khi ông bà canh tác không có tranh chấp về ranh giới. Từ khi ông bà canh tác thì ông bà chỉ thấy bà Nguyễn Thị H, trú tại: Tiểu khu 34, xã Đ canh tác trên diện tích đang có tranh chấp. Đến năm 2018 ông Đ có gọi cho bà T ra để chỉ mốc giới để ông xây bờ rào ranh giới giữa đất của ông, bà với thửa đất tranh chấp.

Bà Hoàng Thị N: Về nguồn gốc diện tích đang có tranh chấp giữa ông bà Đ, H với bà Lâm Thị T là của bố mẹ bà là ông bà Hoàng Thị V và Hoàng Văn N (đều đã chết) khai hoang từ năm 1950, bà là người trực tiếp canh tác diện tích đất trên đến năm 1980 thì đi lấy chồng, bố mẹ bà cho em trai là Hoàng Văn Đ, ông Đ canh tác được khoảng 01 năm thì không canh tác, sau khi ông Đ không canh tác thì mẹ bà cho bà L - T mượn, sau đó bà L - T cho bà Nguyễn Thị H mượn. Đến năm 2007 bà H trả lại đất cho ông Đ, sau đó vợ chồng ông Đ bán cho ông bà Đ - H.

Ngoài ra còn các người làm chứng khác đều biết về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là do bà Hoàng Thị N khai hoang.

[3] Xét lời khai phản bác của bà Lâm Thị T: Bà T cho rằng thửa đất đang có tranh chấp với ông bà Đ, H có diện tích 224,2m² tại Hợp tác xã T, xã Đ, huyện M, tỉnh Sơn La có nguồn gốc là do bà khai hoang từ khi mới thành lập Nông Trường 34. Bà canh tác được khoảng 02 năm thì không canh tác nữa, sau đó bà cho con trai bà là ông Lê Đình S sử dụng diện tích đất trên, nhưng do bận công tác nên khoảng 02 năm trở lại đây ông S mới sử dụng, canh tác diện tích đất trên. Việc bà khai hoang có sự làm chứng của một số người nhưng hiện nay đều đã chết.

Tòa án đã có thông báo số 285/TB-TA ngày 21 tháng 4 năm 2020; thông báo số 402/TB-TA ngày 21 tháng 5 năm 2020; thông báo số 410/TB-TA ngày 21 tháng 5 năm 2020; thông báo số 500/TB-TA ngày 10 tháng 6 năm 2020 yêu cầu bà Lâm Thị T và anh Lê Đình S cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp nhưng bà T, ông S không cung cấp, nên không có căn cứ để xem xét yêu cầu trên của ông bà.

Như vậy có đủ căn cứ xác định nguồn gốc đất tranh chấp giữa ông bà Phạm Đình Đ, Nguyễn Thị H với bà Lâm Thị T tại thửa đất số 33a tờ bản đồ số 27 là của ông bà Hoàng Văn N, Hoàng Thị V cho con trai là Hoàng Văn Đ. Năm 2010 ông Đ, bà K chuyển nhượng cho ông bà Phạm Đình Đ, Nguyễn Thị H.

[4] Xét yêu cầu của ông Phạm Đình Đ và bà Nguyễn Thị H:

Tại biên bản xác minh ngày 23/6/2020 đối với Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Mộc Châu thì thửa đất hiện nay đang có tranh chấp giữa ông bà Phạm Đình Đ, Nguyễn Thị H với bà Lâm Thị T thuộc thửa đất số 33 tờ bản đồ 27 theo sổ mục kê năm 1999 quy chủ Hợp tác xã T có diện tích 340m² do UBND xã Đ quản lý.

Tại bản tự khai ngày 22 tháng 6 năm 2020 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã Đ, huyện M, người đại diện theo pháp luật ông Phạm Văn G có ý kiến: Về việc diện tích đất đang có tranh chấp theo sổ mục kê năm 1999 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M quy chủ diện tích đất thuộc thửa số 33, tờ bản đồ số 27 năm 1999 quy chủ HTX T do UBND xã Đ quản lý, UBND xã Đ có ý kiến như sau: Thực tế UBND xã Đ không quản lý diện tích đất trên mà vẫn do hộ gia đình bà Hoàng Thị V và ông Hoàng Văn N quản lý, sử dụng. Quan điểm của UBND xã Đ nhất trí tạm giao thửa đất đang có tranh chấp giữa ông bà Đ – H với bà Lâm Thị T cho ông bà Đ – H quản lý, sử dụng vì ông bà Đ – H đã nhận chuyển nhượng với ông bà Hoàng Văn Đ – Hoàng Thị K.

[5] Để có căn cứ giải quyết vụ kiện Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản trên đất đối với diện tích tranh chấp:

Thực tế thửa đất tranh chấp có tổng diện tích là 227,0m²

Đất có vị trí tiếp giáp cụ thể: Phía Đông Bắc giáp đất trống có chiều dài 10,6m; Phía Đông Nam giáp núi đá có chiều dài các cạnh là 10,4m, 4,4m, 1,6m; Phía Tây Nam giáp đất bà T có chiều dài 17,2m; Phía Tây Bắc giáp đường bê tông có chiều dài các cạnh là 6,7m, 4,7m, 3,6m. Trên đất có 01 bờ bê có chiều dài 17,0m + 1,3m = 18,3m, chiều cao 0,5m, chiều rộng 0,35m. có thể tích là 18,3m x 0,5m x 0,35m = 3,2m³ (bờ kè do gia đình ông bà Đ - H xây).

01 đồng đá có chiều dài 01m, chiều rộng 01m, chiều cao chóp đồng đá là 0,2m. Có thể tích là 01m³.

Đất và tài sản trên đất có giá trị: diện tích đất 227,0m² x 100.000đ/1m² = 22.700.000đ

01 bờ kè bằng đá hộc có giá trị là 3,2m x 1.139.000đ = 3.644.800đ

01 đồng đá có thể tích 01m³ có giá trị 0 đồng.

Tổng tài sản trên đất là: 22.700.000đ + 3.644.800đ = 26.344.800đ

[6] Đối với 01 đồng đá có thể tích là 01m³ là của ông Lê Đình S đã lấy từ trên đỉnh núi đổ vào diện tích tranh chấp. Do đó cần buộc ông Lê Đình S phải di dời 01m³ đá trên diện tích đất 227,0m² để trả lại diện tích đất trên cho ông bà Phạm Đình Đ, Nguyễn Thị H.

[7] Về chi phí tố tụng:

Về chi phí định giá tài sản: Ông Phạm Đình Đ và bà Nguyễn Thị H tự nguyện xin chịu toàn bộ chi phí là 1.500.000đ tiền chi phí định giá.

[8] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên bà Lâm Thị T là thân nhân liệt sĩ. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án cần miễn án phí cho bà Lâm Thị T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 166, Điều 203 Luật đất đai; Điều 166 Bộ Luật dân sự; khoản 1 Điều 147, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Tạm giao cho ông Phạm Đình Đ, bà Nguyễn Thị H được sử dụng 227,0m² thuộc thửa đất số 33a tờ bản đồ số 27 tại bản T, xã Đ, huyện M, tỉnh Sơn La, trên đất có 01 bờ kè có chiều dài 18,3m, chiều cao 0,5m, chiều rộng 0,35m.

Đất có vị trí tiếp giáp cụ thể: Phía Đông Bắc giáp đất trống có chiều dài 10,6m; Phía Đông Nam giáp núi đá có chiều rộng các cạnh là 10,4m, 4,4m, 1,6m; Phía Tây Nam giáp đất bà T có chiều dài 17,2m; Phía Tây Bắc giáp đường bê tông có chiều rộng các cạnh là 6,7m, 4,7m, 3,6m

(có sơ đồ kèm theo).

3. Buộc ông Lê Đình S phải di dời toàn bộ 01m³ đá trên diện tích đất 227,0m² thuộc thửa đất số 33a tờ bản đồ 27 để trả lại diện tích đất trên cho ông bà Phạm Đ, Nguyễn Thị H.

4. Về chi phí tố tụng:

Về chi phí định giá tài sản: Ông Phạm Đình Đ và bà Nguyễn Thị H tự nguyện chịu 1.500.000đ (Một triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền chi phí định giá tài sản, ông Phạm Đình Đ và bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ.

8. Về án phí:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lâm Thị T.

Hoàn trả cho ông Phạm Đình Đ và bà Nguyễn Thị H 300.000đ đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003604 ngày 25/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Ông Phạm Đình Đ, bà Nguyễn Thị H, ông Hoàng Văn Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 06/8/2020.

Bà Lâm Thị T, ông Lê Đình S, bà Hoàng Thị K, UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Sơn La được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 26 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Trung Kiên